

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN ĐỒ SƠN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 07-01-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Duy Khoa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Khắc Quyết

Bà Lê Thị Mai Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Thị P, sinh năm 1984, nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố B, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Số 15a, phố V, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong Đơn khởi kiện ghi ngày 27-10-2021, Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị P bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K (nay là phường H, quận Đ), thành phố Hải Phòng vào ngày 17-10-2001. Quá trình chung sống,

chị và anh G đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm nhau do cách sống của hai bên không hợp nhau, anh G sống rất ích kỷ, không nghĩ cho vợ, thường xuyên ghen tuông vô cớ, xúc phạm chị và không tin tưởng chị trong vấn đề công việc, tình cảm và kinh tế. Mặc dù, chị đã rất nhẫn nhịn để giữ gìn hạnh phúc gia đình và nhiều lần trao đổi với anh G để anh G thay đổi; gia đình hai bên cũng đã tác động, hoà giải nhiều lần cho anh chị nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, mệt mỏi, không có hạnh phúc. Đến tháng 4-2021, chị và anh G tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, lời qua tiếng lại dẫn đến đánh nhau và anh G đã đuổi chị ra khỏi nhà. Vì vậy, chị đã về sống với bố mẹ đẻ tại quận Dương Kinh và sống ly thân với anh G từ tháng 4-2021 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, nếu cứ tiếp diễn tình trạng như vậy sẽ ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống tinh thần của chị và con, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị và anh G có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 16-12-2001 và cháu Nguyễn Ngọc Bảo B, sinh ngày 08-10-2013. Cháu L đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị nhận nuôi cháu B và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11-11-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Ngọc G trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Đức, huyện Kiến Thụy (nay là phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn), thành phố Hải Phòng vào ngày 17-10-2001. Trong quá trình chung sống, anh và chị P thỉnh thoảng có xảy ra cãi vã nhưng không lớn, vợ chồng cãi nhau xong lại thôi chứ không có chuyện gì to tát, do anh cũng hơi nóng tính nên có những lời lẽ không hay với chị P. Tuy nhiên, anh vẫn rất thương yêu vợ con. Khoảng tháng 4-2021, chỉ vì chuyện rất nhỏ nhưng vợ chồng lại xảy ra cãi vã dẫn đến xô xát nên chị P đã về quận Dương Kinh ở với bố mẹ đẻ và sống ly thân với anh từ tháng 4-2021. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh cũng vẫn tác động để chị P quay về chung sống cùng anh và cũng có nhờ bố mẹ đẻ chị P phân tích cho chị P hiểu và thông cảm cho anh. Đến nay chị P làm đơn ly hôn với anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng đến mức phải ly hôn nên anh đề nghị Tòa án hòa giải cho anh và chị P quay về đoàn tụ. Trường hợp chị P cương quyết ly hôn thì anh cũng phải chấp nhận. Tuy nhiên, anh sẽ không đến Tòa án nữa, tùy chị P tự giải quyết một mình.

Về con chung: Anh và chị P có 02 con chung như chị P trình bày. Cháu L đã thành niên nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp ly hôn, anh đề nghị giao cháu B cho chị P nuôi theo yêu cầu của chị P.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Bản trình bày ngày 06-12-2021, con chung trên 07 tuổi của chị P và anh G là cháu Nguyễn Ngọc Bảo B trình bày:*

Hiện cháu đang ở với mẹ, nguyện vọng của cháu muốn tiếp tục được ở với mẹ.

*Theo các tài liệu, chứng cứ Tòa án xác minh, thu thập thể hiện:* Trong quá trình chung sống, chị P và anh G nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, ghen tuông, bất đồng dẫn đến việc vợ chồng cãi vã, xúc phạm nhau; mặc dù gia đình hai bên đã phân tích, động viên, tìm nhiều biện pháp giúp chị P và anh G giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Chị P và anh G đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2021 đến nay.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt hai lần tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị P và anh G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Đức, huyện Kiến Thụy (nay là phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn), thành phố Hải Phòng vào ngày 17-10-2001 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị P và anh G xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm và cách sống; hai bên gia đình đã tác động, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị P và anh G đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2021 đến nay, vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, thể hiện hôn nhân giữa chị P và anh G đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, xử cho chị P được ly hôn với anh G; đồng thời giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo B cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, vì chị P có nghề nghiệp, thu nhập, chỗ ở ổn định, cháu B còn nhỏ, là nữ giới, cháu cũng đề nghị được ở với mẹ. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị P phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là anh Nguyễn Ngọc G, cư trú tại tổ dân phố Bình Minh, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là chị Trần Thị P vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Đức, huyện Kiến Thụy (nay là phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn), thành phố Hải Phòng vào ngày 17-10-2001 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị P và anh G phát sinh mâu thuẫn, xảy ra cãi vã, xô xát, xúc phạm nhau, chị P và anh G đã sống ly thân từ tháng 4-2021 đến nay, không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình; vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị P xin được ly hôn với anh G là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị P và anh G có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 16-12-2001 và cháu Nguyễn Ngọc Bảo B, sinh ngày 08-10-2013. Cháu L đã thành niên nên chị P và anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết. Từ khi chị P và anh G sống ly thân, cháu B ở với chị P, chị P nhận nuôi cháu B, cháu B cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, anh G thống nhất giao con theo yêu cầu của chị P; chị P hiện có công việc, thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con. Vì vậy, yêu cầu của chị P, anh G về việc giao con chung là cháu B cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị P và anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị P là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị P và anh G có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị P được ly hôn anh Nguyễn Ngọc G.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo B, sinh ngày 08-10-2013 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị P và anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002566 ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị P, anh G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- Dương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Duy Khoa**

